ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số : 3029 /QĐ-UBND	*An Nhơn, ngày 12 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2022 của thị xã An Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND thị xã An Nhơn về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2022 của thị xã An Nhơn (theo các biểu chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh BĐ;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Thi ủy;
- VP HĐND&UBND thị xã;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án nhân dân thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã;
- UBND các xã, phường
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thanh Tùng

UBND THỊ XÃ AN NHƠN

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3029/ QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**1.295.481**	**896.407**	**69,2**	**319,8**
I	**Thu cân đối NSNN**	**997.443**	**329.917**	**33,1**	**201,9**
1	Thu nội địa	997.443	329.917	33,1	201,9
2	Thu viện trợ				
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	**-**	**527.018**		**913,5**
III	**Thu bổ sung mục tiêu**	**298.038**	**39.472**	**13,2**	**- 24,4**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	**1.295.481**	**541.464**	**41,8**	**213,9**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách thị xã**	**1.246.905**	**531.521**	**42,6**	**226,2**
1	Chi đầu tư phát triển	750.768	364.288	48,5	828,1
2	Chi thường xuyên	470.330	167.134	35,5	40,8
3	Dự phòng ngân sách	25.807	99	0,4	
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu cho NS xã,phường**	**48.575**	**9.943**	**20,5**	**4,2**

UBND THỊ XÃ AN NHƠN

Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 923 / QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**997.763**	**329.917**	**33,1**	**- 12,8**
I	**Thu nội địa**	**997.763**	**329.917**	**33,1**	**- 12,8**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	193.500	51.024	26,4	61,2
4	Thuế thu nhập cá nhân	18.000	6.966	38,7	105,3
6	Lệ phí trước bạ	27.000	8.275	30,6	15,2
7	Thu phí, lệ phí	9.450	4.719	49,9	34,6
8	Các khoản thu về nhà, đất	720.313	253.574	35,2	35,2
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	1.900	757	39,8	192,1
-	*Thu tiền sử dụng đất*	700.000	252.060	36,0	43,6
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	18.413	757	4,1	- 93,6
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-			
10	Thu khác ngân sách	20.500	3.147	15,3	- 26,9
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	8.000	1.837	23,0	382,1
12	Thu HĐ ĐG từ các khai thác đá cát	1.000	376	37,6	50,4
II	**Thu viện trợ**				
B	**THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**997.763**	**329.917**	**33,1**	**38,5**
1	Từ các khoản thu phân chia	800.243	57.990	7,2	- 71,6
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	197.520	271.927	137,7	692,9
C	**Thu chuyển nguồn**		**527.018**		**4.136,1**

UBND THỊ XÃ AN NHƠN **Biểu số 95/CK-NSNN**

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	**1.295.481**	**541.464**	**41,8**	**43,6**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	1.246.905	**531.521**	**42,6**	**44,4**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**750.768**	**364.288**	**48,5**	**49,4**
1	Chi đầu tư cho các dự án	750.768	364.288	48,5	**49,4**
2	Chi đầu tư phát triển khác	-			
II	**Chi thường xuyên**	**470.330**	**167.134**	**35,5**	**40,8**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	272.164	52.414	19,3	- **11,0**
2	Chi khoa học và công nghệ	280		-	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	8.000	2.242		- **3,3**
4	Chi văn hóa thông tin	1.906	437	22,9	- **15,9**
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.159	300	25,9	- **22,9**
6	Chi thể dục thể thao	1.249	230	18,4	**35,4**
7	Chi bảo vệ môi trường	1.285	6	0,4	- **52,5**
8	Chi hoạt động kinh tế	28.258	4.864	17,2	- **31,2**
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	35.968	6.398	17,8	-
10	Chi bảo đảm xã hội	33.859	65.941	194,8	**311,6**
III	**Dự phòng ngân sách**	**25.807**	99	**0,4**	- **81,0**
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	48.575	9.943	**20,5**	**11,7**
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	48.575	9.943	61,3	**11,7**